

Điều 23.- Quyền lợi của gia đình hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ:

1. Bố hoặc vợ được tạm miễn tham gia lao động công ích trong những trường hợp gia đình thực sự khó khăn và được Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn chứng nhận.

2. Bố, mẹ, vợ và con được miễn viện phí khi đi khám bệnh và chữa bệnh tại các bệnh viện của Nhà nước và được ưu tiên xét trợ cấp khó khăn đột xuất theo chính sách chung của Nhà nước.

3. Con gửi ở nhà trẻ, học tại các trường mẫu giáo, trường phổ thông của Nhà nước được miễn học phí và tiền đóng góp xây dựng trường.

Chương IV

HẠ SĨ QUAN, BINH SĨ XUẤT NGŨ PHỤC VỤ Ở NGÁCH DỰ BỊ, GIẢI NGÁCH DỰ BỊ

Điều 24.- Hạ sĩ quan, binh sĩ có một trong những trường hợp sau đây được xuất ngũ chuyển sang ngạch dự bị:

- Đã hết thời hạn phục vụ tại ngũ.
- Không đủ điều kiện sức khỏe hoặc thiếu những điều cần thiết khác theo quy định của Bộ Quốc phòng để tiếp tục phục vụ tại ngũ.
- Quân đội chán chỉnh tổ chức, biên chế

Điều 25.- Việc cho xuất ngũ chuyển sang ngạch dự bị đối với hạ sĩ quan, binh sĩ thuộc quyền do Thủ trưởng trung đoàn và tương đương trở lên quyết định. Trường hợp cho xuất ngũ trước thời hạn đối với hạ sĩ quan thì do Thủ trưởng sư đoàn và tương đương trở lên quyết định.

Điều 26.- Hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ chuyển sang ngạch dự bị vẫn được giữ cấp bậc quân hàm cũ.

Điều 27.- Hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị phải chấp hành các chế độ đăng ký nghĩa vụ quân sự, tham gia huấn luyện quân sự và kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Điều 28.- Hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị đã được sắp xếp vào các đơn vị dự bị động viên qua thời gian tập trung huấn luyện, nếu được bổ nhiệm vào một chức vụ mà thực hiện tốt thì được xét phong, thăng quân hàm tương ứng với chức vụ đảm nhiệm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Điều 29.- Trong thời gian tập trung huấn luyện, kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu hạ sĩ quan,

binh sĩ dự bị phải tuân thủ kỷ luật Quân đội, những người có thành tích thì được xét khen thưởng, những người vi phạm kỷ luật thì bị xử lý theo Điều lệnh kỷ luật của Quân đội. Trường hợp phạm pháp luật phải truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 30.- Hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị đã phục vụ đến hết hạn tuổi dự bị, hoặc bị bệnh, bị thương không đủ sức khỏe phục vụ thì được giải ngạch dự bị. Chỉ huy trưởng quân sự địa phương cấp huyện, quận ra quyết định giải ngạch cho hạ sĩ quan, binh sĩ thuộc quyền.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 31.- Điều lệ này có hiệu lực từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện Điều lệ này.

T.M. Chính phủ
Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 56-CP ngày 18-9-1995 ban hành Quy chế Cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuê nhà tại Việt Nam.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để tăng cường công tác quản lý của Nhà nước đối với việc cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuê nhà tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Ban hành kèm theo Nghị định này bản Quy chế Cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuê nhà tại Việt Nam.

Điều 2.- Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3.- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT

QUY CHẾ Cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuê nhà tại Việt Nam

(ban hành kèm theo Nghị định số 56-CP ngày 18-9-1995 của Chính phủ).

Chương I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, xã hội và cá nhân nêu dưới đây (sau đây gọi tắt là bên cho thuê) nếu có nhà đủ điều kiện quy định tại Điều 3 của Quy chế này, được phép cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (dưới đây gọi tắt là người nước ngoài) thuê nhà để ở, đặt trụ sở Văn phòng đại diện, Chi nhánh công ty hoặc cơ sở hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật:

1. Các doanh nghiệp chuyên kinh doanh nhà được thành lập và hoạt động theo pháp luật, kể cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

2. Các doanh nghiệp khác và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật, có nhà thuộc sở hữu của mình và có quyền sử dụng đất hợp pháp.

3. Công dân Việt Nam có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có nhà thuộc sở hữu của mình và có quyền sử dụng đất hợp pháp.

Điều 2.- Các đối tượng dưới đây không được phép cho người nước ngoài thuê nhà:

a) Các cơ quan Nhà nước, các cơ quan Đảng, các tổ chức chính trị, xã hội và công dân Việt Nam, không được phép cho thuê trụ sở và nhà ở thuộc sở hữu của Nhà nước mà mình đang được phép quản lý hoặc sử dụng.

b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang trong thời gian chấp hành án, hoặc chưa được xóa án.

Điều 3.- Nhà cho người nước ngoài thuê phải có đủ các điều kiện:

1. Có địa chỉ cụ thể (số nhà, phố, phường...) nằm ngoài khu vực quy định tại Khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 4-CP ngày 18-1-1993 của Chính phủ.

2. Riêng biệt (không cùng chung căn hộ hoặc cùng cửa di chung với căn hộ khác).

3. An toàn về cấu trúc, xây dựng.

4. Bảo đảm điều kiện an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, phòng cháy, chữa cháy.

5. Không có tranh chấp về quyền sở hữu, quyền sử dụng.

Điều 4.- Bên cho thuê có thể trực tiếp hoặc ủy thác doanh nghiệp dịch vụ cho người nước ngoài thuê nhà thay mặt mình làm các thủ tục xin cấp giấy phép, ký hợp đồng thuê nhà và thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Quy chế này. Phí ủy thác không được thu cao hơn 2% giá trị hợp đồng quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

Trường hợp chủ sở hữu nhà không có hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố nơi có nhà cho thuê, chủ nhà phải ủy quyền cho người có hộ khẩu thường trú tại địa phương nơi có nhà cho thuê thay mặt mình thực hiện các thủ tục cần thiết nêu trên, nhưng không được ủy quyền cho những người thuộc đối tượng quy định tại điểm b Điều 2 của Quy chế này.

Điều 5.- Người nước ngoài thuê nhà để ở phải có giấy phép tạm trú hợp pháp ở Việt Nam từ 6 tháng trở lên; nếu thuê nhà để đặt trụ sở Văn phòng đại diện, Chi nhánh công ty hoặc cơ sở hoạt động kinh doanh thì phải có giấy phép đặt Văn phòng đại diện, chi nhánh công ty hoặc giấy phép về hợp tác đầu tư tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

Điều 6.- Hợp đồng thuê nhà ký kết giữa bên cho thuê và bên thuê phải làm theo mẫu quy định và được cơ quan cấp giấy phép cho người nước ngoài thuê nhà xác nhận. Giá thuê nhà và giá trị tiền thuê nhà ghi trong hợp đồng được tính bằng tiền đồng Việt Nam và được quy đổi ra đô la Mỹ

hoặc loại tiền nước ngoài có thể chuyển đổi theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm ký hợp đồng.

Điều 7.- Giá thuê nhà do hai bên thỏa thuận. Các khoản trích nộp vào ngân sách Nhà nước theo nghĩa vụ của bên cho thuê nhà phải căn cứ vào giá ghi trong hợp đồng thuê nhà nhưng không được thấp hơn mức giá tính thuế áp dụng tại địa phương do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định sau khi đã trao đổi thông nhất ý kiến với Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sở tại.

Điều 8.-

1. Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm thống nhất quản lý Nhà nước đối với hoạt động cho người nước ngoài thuê nhà; chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý Nhà nước về các hoạt động cho người nước ngoài thuê nhà tại Việt Nam.

2. Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm:

a) Quản lý hành chính và chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra, giám sát mọi hoạt động cho người nước ngoài thuê nhà trên địa bàn lãnh thổ.

b) Chỉ định một cơ quan trực thuộc tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm cấp, gia hạn và thu hồi giấy phép cho thuê nhà, theo dõi và kiểm tra các hoạt động cho người nước ngoài thuê nhà trên địa bàn lãnh thổ (sau đây gọi tắt là cơ quan cấp giấy phép).

c) Quy định cụ thể khu vực và địa điểm được cho người nước ngoài thuê nhà trên phạm vi địa bàn lãnh thổ.

d) Lập kế hoạch và dự án xây dựng nhà đáp ứng nhu cầu thuê nhà của người nước ngoài.

d) Cho phép thành lập doanh nghiệp hoặc cho phép đăng ký hành nghề hoạt động dịch vụ cho người nước ngoài thuê tại địa phương.

e) Quyết định xử lý vi phạm theo quy định tại Chương IV của Quy chế này.

3. Cơ quan cấp giấy phép cho người nước ngoài thuê nhà có nhiệm vụ giúp Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý hoạt động cho người nước ngoài thuê nhà tại địa phương; có trách nhiệm thu lệ phí cấp giấy phép, theo dõi, kiểm tra việc cho người nước ngoài thuê nhà và kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các vi phạm theo quy định tại Chương IV của Quy chế này.

Chương II

THỦ TỤC CẤP, GIA HẠN, HỦY BỎ GIẤY PHÉP VÀ XUẤT TRÌNH GIẤY PHÉP, HỢP ĐỒNG CHO THUÊ NHÀ

Điều 9.- Bên cho thuê nhà (chủ sở hữu nhà hoặc người được ủy quyền) gửi hồ sơ xin cấp giấy phép tới Cơ quan cấp giấy phép của tỉnh, thành phố nơi có nhà cho thuê. Hồ sơ xin cấp giấy phép cho thuê nhà gồm:

1. Đơn xin phép cho người nước ngoài thuê nhà.

2. Sơ yếu lý lịch của người đứng tên cho thuê nhà, có xác nhận của chính quyền phường, xã nơi cư trú.

3. Bản sao có công chứng giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất hợp pháp.

4. Văn bản ủy quyền hoặc ủy thác (nếu có) theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

Điều 10.- Trong thời hạn tối đa là 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan tại địa phương xem xét các điều kiện về nhà cho thuê theo quy định tại Điều 3 của Quy chế này để trả lời người gửi đơn về việc cấp hay không cấp giấy phép cho thuê nhà.

Điều 11.- Bên thuê nhà có thể trực tiếp hoặc thông qua doanh nghiệp dịch vụ cho người nước ngoài thuê nhà giao dịch và làm các thủ tục thuê nhà theo quy định của Quy chế này. Hồ sơ xin thuê nhà gồm:

1. Đơn xin thuê nhà.

2. Bản sao có công chứng giấy phép theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

Điều 12.- Khi giao nhà cho bên thuê nhà, bên cho thuê phải xuất trình giấy phép và hợp đồng thuê nhà với cơ quan Công an, cơ quan Thuế (cấp quận, huyện) tại địa phương.

Điều 13.- Khi hợp đồng thuê nhà hết hạn, nếu hai bên ký kết gia hạn hoặc ký lại hợp đồng mới đều phải tuân theo các quy định của Quy chế này.

Chương III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN CHO THUÊ, BÊN THUÊ, CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP VÀ DOANH NGHIỆP DỊCH VỤ

Điều 14.- Quyền và nghĩa vụ của bên cho thuê nhà.

1. Nộp các loại thuế (thuế môn bài, thuế doanh thu, thuế lợi tức, thuế nhà đất,...) theo quy định của pháp luật.

Đối với các doanh nghiệp nêu tại Khoản 1 Điều 1 của Quy chế này thì ngoài các loại thuế phải nộp nói trên, còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước các khoản điều tiết bổ sung khác theo quy định của pháp luật.

2. Nộp lệ phí xin cấp giấy phép cho người nước ngoài thuê nhà theo mức phí do Bộ Tài chính quy định.

3. Thực hiện đúng hợp đồng thuê nhà đã ký.

4. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan chức năng thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

5. Được quyền hủy hợp đồng thuê nhà theo điều kiện mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng hoặc do pháp luật quy định, nhưng phải thông báo lý do cho bên thuê biết trước ít nhất là 30 ngày, kể từ ngày hợp đồng bị hủy bỏ. Việc giải quyết tranh chấp hoặc bồi thường hợp đồng thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Khi hủy bỏ hợp đồng thuê nhà, bên cho thuê có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Cơ quan cấp giấy phép, cơ quan Công an và cơ quan Thuế sở tại biết.

Điều 15.- Quyền và nghĩa vụ của bên thuê nhà:

1. Thực hiện đúng hợp đồng thuê nhà đã ký.

2. Đăng ký tạm trú cho bản thân khi đến ở hoặc làm việc và đăng ký tạm trú cho khách lưu trú qua đêm tại nhà mình thuê với cơ quan Công an phường, xã sở tại.

3. Không được chuyển nhượng hợp đồng thuê nhà hoặc cho thuê lại.

4. Được quyền hủy hợp đồng theo điều kiện mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng hoặc do pháp luật quy định. Việc giải quyết tranh chấp hoặc bồi thường hợp đồng thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 16.- Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp dịch vụ:

1. Thực hiện đầy đủ các yêu cầu về môi giới, dịch vụ của cả bên cho thuê và bên thuê nhà theo hợp đồng.

2. Được thu phí dịch vụ (chỉ được thu 1 lần) theo mức phí do Bộ Tài chính quy định và phí ủy thác theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

3. Thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 17.- Các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân hoạt động kinh doanh cho người nước ngoài thuê nhà mà không có giấy phép thì bị phạt 50 triệu đồng và buộc phải chấm dứt hoạt động. Trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng sẽ bị truy tố trước pháp luật.

Điều 18.- Các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có giấy phép cho người nước ngoài thuê nhà nhưng không có hợp đồng thuê nhà hợp lệ, không thực hiện thủ tục đăng ký theo quy định tại các Điều 6 và Điều 12; hoặc giấy phép và hợp đồng thuê nhà đã hết hạn nhưng không thực hiện đúng quy định tại Điều 13 của Quy chế này thì bị phạt 20 triệu đồng và buộc phải bổ sung cho đúng quy định. Trường hợp tái phạm sẽ bị phạt gấp 2 lần số tiền phạt trước đó và bị thu hồi giấy phép cho thuê nhà.

Điều 19.- Bên thuê nhà vi phạm các quy định tại Điều 15 của Quy chế này thì bị cảnh cáo và phạt 2000 USD (nếu thuê nhà để ở) hoặc 5000 USD (nếu thuê nhà để đặt trụ sở Văn phòng đại diện, Chi nhánh công ty hoặc cơ sở hoạt động kinh doanh). Nếu tái phạm sẽ bị phạt gấp 2 lần số tiền phạt trước đó. Trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng sẽ bị buộc phải chấm dứt hợp đồng thuê nhà và xử lý theo pháp luật Việt Nam.

Những đối tượng không được thuê nhà theo quy định của Quy chế này mà vẫn thuê nhà tại Việt Nam thì bị cảnh cáo và phạt tiền bằng 3.000 USD (nếu thuê nhà để ở) hoặc 8.000 USD (nếu thuê nhà để đặt trụ sở Văn phòng đại diện, Chi nhánh công ty hoặc cơ sở hoạt động kinh doanh), đồng thời buộc phải chấm dứt việc thuê nhà. Trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng thì còn bị xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 20.- Doanh nghiệp dịch vụ vi phạm các quy định của Quy chế này thì bị phạt 20 triệu đồng. Nếu gây thiệt hại cho các bên đương sự thì phải hoàn trả phí dịch vụ và bồi thường thiệt hại. Trường hợp tái phạm hoặc gây hậu quả nghiêm trọng sẽ bị thu hồi giấy phép kinh doanh.

Điều 21.- Công chức, viên chức của cơ quan quản lý Nhà nước quy định tại Điều 8 và cán bộ, nhân viên doanh nghiệp dịch vụ cố ý làm sai các quy định của Quy chế này thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22.- Các cơ quan, đoàn thể, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế không có chức năng chuyên kinh doanh nhà và công dân Việt Nam, công dân nước ngoài định cư tại Việt Nam hiện đang cho thuê lại nhà thuộc sở hữu của Nhà nước Việt Nam thì phải nộp toàn bộ số tiền thu được về cho thuê nhà vào ngân sách Nhà nước kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

Bộ Tài chính chịu trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát việc thu nộp vào ngân sách Nhà nước các khoản tiền thu về hoạt động cho thuê nhà của các đối tượng quy định tại Điều này.

Điều 23.- Các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có giấy phép cho người nước ngoài thuê nhà theo Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 389-HĐBT ngày 10-11-1990 của Hội đồng Bộ trưởng, nếu hợp đồng cho thuê nhà chưa hết hạn thì được tiếp tục cho thuê cho đến hết ngày 31 tháng 3 năm 1996. Từ ngày 1 tháng 4 năm 1996 trở đi, chủ nhà muốn tiếp tục cho người nước ngoài thuê nhà thì phải làm lại thủ tục cho thuê nhà theo quy định của Quy chế này.

Điều 24.- Quy chế này thay thế Quy chế Cho thuê nhà ban hành kèm theo Nghị định số 389-HĐBT ngày 10-11-1990 của Hội đồng Bộ trưởng và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những quy định trước đây của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về cho người nước ngoài thuê nhà trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm hướng dẫn hoạt động của doanh nghiệp dịch vụ cho người nước ngoài thuê nhà quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 8 của Quy chế này.

Điều 25.- Hoạt động cho thuê nhà đối với các Cơ quan Đại diện ngoại giao, Cơ quan Lãnh sự của nước ngoài, Cơ quan Đại diện của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ tại Việt Nam (gọi tắt là Đoàn ngoại giao) thực hiện theo quy định riêng.

Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm quy hoạch xây dựng các khu nhà tập trung dành cho các cơ quan Đoàn ngoại giao đóng trên địa bàn thuê và quản lý việc cho thuê nhà đối với các cơ quan này tại địa phương.

Điều 26.- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ

và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÔ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 64-CP ngày 9-10-1995 ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Công ty Cho thuê tài chính tại Việt Nam.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước, Pháp lệnh Ngân hàng, Hợp tác xã tín dụng và Công ty Tài chính ngày 24 tháng 5 năm 1990;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Công ty Cho thuê tài chính tại Việt Nam.

Điều 2.- Quy chế này chỉ áp dụng cho hoạt động cho thuê tài chính và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3.- Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể việc thực hiện và sau một thời gian sẽ rút kinh nghiệm, bổ sung hoàn chỉnh Quy chế để ban hành chính thức.

Điều 4.- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

K.T. Thủ tướng

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHAI